

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 5 – 2022
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quí

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Vĩnh Hạnh

2. Ông Đỗ Trọng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kiều N**, sinh năm: 1974 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 22/3 A, phường X, quận S, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Số 65/6 Z, tổ 13, khu vực 3, phường O, quận U, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh H**, sinh năm: 1971 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 65/6 Z, tổ 13, khu vực 3, phường O, quận U, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền và lợi ích được bảo vệ:

Cháu **Trần Khánh T**, sinh ngày: 21/3/2009 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 65/6 Z, tổ 13, khu vực 3, phường O, quận U, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Kiều N trình bày: Qua thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên bà với ông Trần Minh H tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ

chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên Trần Khánh T, sinh ngày: 21/3/2009, hiện nay cháu T đang sống chung với bà. Nhưng về sau thì vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn và không thể hòa giải hàn gắn được. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục đời sống vợ chồng nên bà khởi kiện và yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh H.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Khánh T, sinh ngày 21/3/2009 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Trần Minh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Minh H vắng mặt.*

** Người có quyền và lợi ích được bảo vệ cháu Trần Khánh T có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày:* Cháu là con chung của bà Nguyễn Kiều N với ông Trần Minh H. Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Kiều N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Kiều N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh H; yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Khánh T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Trần Minh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Minh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; cháu Trần Khánh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật; xác định đúng và đầy đủ tư cách của người tham gia tố tụng; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, ông Trần Minh H và cháu Trần Khánh T vắng mặt và đã được xác minh địa chỉ nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Kiều N với bị đơn ông Trần Minh H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có với nhau 01 người con chung. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên bà Nguyễn Kiều N khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự xét thấy giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có khả năng hòa giải đoàn tụ thành. Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Nguyên đơn có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với

nguyện vọng của con chung nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung đối với bị đơn ông Trần Minh H không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Kiều N với bị đơn ông Trần Minh H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà Nguyễn Kiều N có đơn khởi kiện xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và cháu Trần Khánh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Kiều N với bị đơn ông Trần Minh H tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên nguyên đơn bà Nguyễn Kiều N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trần Minh H. Bị đơn ông Trần Minh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; tại biên bản xác minh ngày 08/4/2022, địa phương cũng không biết được nguyên nhân mâu thuẫn; tuy nhiên, tại phiên tòa bà Nguyễn Kiều N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh H. Xét về hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện của các bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được ly hôn cho thấy tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn với bị đơn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn bà Nguyễn Kiều N được ly hôn với bị đơn ông Trần Minh H như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Kiều N với bị đơn ông Trần Minh H có với nhau 01 người con chung tên Trần Khánh T, sinh ngày: 21/3/2009, hiện nay đang sống với nguyên đơn. Nguyên đơn có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; bị đơn vắng mặt. Tuy nhiên, cháu Trần Khánh T có nguyện vọng được sống chung với bà Nguyễn Kiều N nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Giao cháu Trần Khánh T cho bà Nguyễn Kiều N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Trần Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với ông Trần Minh H không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Kiều N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Kiều N. Cho bà Nguyễn Kiều N được ly hôn với ông Trần Minh H.

Về con chung: Giao cháu Trần Khánh T, sinh ngày: 21/3/2009 cho bà Nguyễn Kiều N chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Trần Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với ông Trần Minh H không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Kiều N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002161 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quý